

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- KHÁNH HÒA**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đạo Văn Đậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hưng

2. Ông Đậu Trọng Trinh

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 217, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Thông báo thụ lý bổ sung số 01/2023/TB-TLVA ngày 04 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1971 và bà Lê Thị H1, sinh năm 1973.

- Về tài sản chung:

Ông Nguyễn Quốc H đồng ý thống nhất nhận 500.000.000 đồng.

Giao cho bà Lê Thị H1 toàn quyền quản lý, sử dụng các tài sản chung của bà và ông H như sau:

+ Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 45 với diện tích 291m², loại đất ONT, đất tại L, Q, N đã được cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DE 445933, cấp ngày 19/7/2022 cho hộ ông Nguyễn Quốc H. Trị giá 950.000.000 đồng.

+ Thửa đất số 233, tờ bản đồ số 45 với diện tích 223,9m², loại đất ONT, tại thôn L, xã Q, huyện N chưa được cấp GCNQSDĐ. Trị giá 200.000.000 đồng.

** Tài sản trên đất:*

- Các tài sản trên thửa đất số 232 tờ bản đồ địa chính số 45:

+ 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 53.15m²

- + 01 sân xi măng có diện tích 111.45m²
- + 01 mái vòm tôn, cột kèo sắt có diện tích 111.45m²
- + 01 tường rào khung kẽm gai/lưới B40, trụ gạch, cọc sắt, trụ bê tông có chiều dài 8.6m
- + 01 tường rào lưới B40 trụ gỗ có chiều dài 9.5m
- + 01 tường rào xây gạch có khung sắt và hoa sắt kết hợp, chiều dài 6.7m
- + 02 trụ gạch có diện tích 0.48m²

(Kèm theo Quyết định là sơ đồ vị trí thửa đất ngày 04/4/2024 của Văn phòng Đ- Chi nhánh N).

Tổng giá trị các tài sản này là 1.400.000.000 đồng, bà Lê Thị H1 được nhận 900.000.000 đồng.

Bà Lê Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Quốc H giá trị tài sản được nhận là 500.000.000 đồng.

Thời gian thanh toán 02 (Hai) tháng, kể từ ngày 12/6/2026 cho đến 12/8/2026.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về nợ chung:

Bà Lê Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N1 số tiền nợ gốc và lãi là 169.573.494, bao gồm:

- Nợ gốc: 130.000.000 đồng

- Nợ lãi tính đến ngày 12/6/2026 là: 39.573.494 đồng

Kể từ ngày 13/6/2026 cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc phải trả chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 4905-LAV-202204489 ngày 17/8/2022 đã ký với Ngân hàng N1, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc phải thanh toán.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Lê Thị H1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N1 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N1.

Giao thửa đất số 453B, tờ bản đồ số 26, có diện tích 303m², loại đất HNK, đất tại L, xã N, Khánh Hòa, chưa được cấp GCNQSDĐ cho con là Nguyễn Quang H2, sinh năm 1992 và Nguyễn Quang C, sinh năm; 1999 toàn quyền quản lý, sử dụng. *((Kèm theo Quyết định là sơ đồ vị trí thửa đất ngày 04/4/2024 của Văn phòng Đ- Chi nhánh N).*

Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của Nguyễn Quang C và Nguyễn Quang H2 vì đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu.

3. Về chi phí tố tụng: Đã chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích lục đo đạc 4.750.000 đồng, ông Nguyễn Quốc H và Lê Thị H1 mỗi người phải chịu 2.375.000 đồng, ông H đã nộp tạm ứng 4.750.999 đồng nên bà Lê Thị H1 phải hoàn trả lại cho ông H số tiền là 2.375.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người

phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Quốc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền **12.300.000 đồng** tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa), theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006194 ngày 24/4/2023. Ông Nguyễn Quốc H còn phải chịu 12.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị H1 phải chịu 47.478.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số 4.375.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa), theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006285 đồng ngày 03/7/2023. Bà Lê Thị H1 còn phải chịu 43.103.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Nguyễn Quang H2 3.750.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà ông H2 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa), theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006284 ngày 03/7/2023 và cho Nguyễn Quang C 3.750.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa), theo các Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006283 ngày 03/7/2023.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa.
- VKSND khu vực 7- Khánh Hòa.
- Phòng THADS khu vực 7- Khánh Hòa
- UBND xã Ninh Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đạo Văn Đâu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thùy Dung

(6)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)